TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK MIL** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 32/2018/HNGĐ-ST
Ngày 22/8/2018
Về việc: "Không công nhận là vợ chồng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mận
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Tiến Tịnh
2. Bà Nguyễn Thúy Luân

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà: Ông Phạm Văn Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2018 về Xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2018/QĐXX-ST ngày 06 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Hoàng Phúc T, sinh năm 1974 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 1, xã Q, huyện G, tỉnh Đắk Nông

- *Bị đơn:* Bà Triệu Thị L, sinh năm 1969 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 03, xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 14/5/2018, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Hoàng Phúc T trình bày: Ông T và bà L chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1994, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, vợ chồng không cùng quan điểm, không cùng chung tiếng nói, mẫu thuẫn phát sinh đã lâu nhưng không thể hàn gắn được nên ông T và bà L đã ly thân từ năm 2008, nay ông Hoàng Phúc T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông T được ly hôn với bà Triệu Thị L.

Về con chung: ông T và bà L có 03 con chung là cháu Hoàng Thị Mùi, sinh năm 1995; Hoàng Thị H, sinh năm 1996 và Hoàng Hiếu T, sinh năm 1997. Hiện nay các cháu đều đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo nội dung lời khai của bà Triệu Thị L trong quá trình tố tụng(BL 19): Bà L đồng ý với lời trình bày của ông T, không có bổ sung gì thêm.

Nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì bà L đồng ý.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu.

Ngày 06/7/2018, ông Hoàng Phúc T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bà Triệu Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà xác định việc tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và đề nghị hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Hoàng Phúc T. Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Hoàng Phúc T và bà Triệu Thị L là vợ chồng.
- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.
- Về án phí: Ông Hoàng Phúc T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án xin ly hôn, bị đơn là bà Triệu Thị L có địa chỉ tại thôn 03, xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông. Nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý là đúng quy định tại Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Việc vắng mặt của đương sự: Ngày 06/7/2018 ông Hoàng Phúc T có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Triệu Thị L đã được Tòa án tống đạt văn bản hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt ông T và bà L là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Phúc T:

[3.1] Về hôn nhân: Vào năm 1994, ông T và bà L trên cơ sở tự nguyện đã chung sống với nhau như vợ chồng đến nay. Tuy không đăng ký kết hôn, nhưng được sự chứng kiến của hai bên họ hàng. Lẽ ra, khi đã là vợ chồng thì ông bà phải yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng một gia đình ấm no, hạnh phúc, bền vững. Nhưng trái lại, khi bước vào cuộc sống chung thì cả hai cùng bộc lộ những tính cách khác nhau, lối sống trái ngược nhau, vợ chồng không thông cảm với nhau, không nhường nhịn nhau mà thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng dẫn đến ly thân từ năm 2008 đến nay. Nên ông T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông T được ly hôn với bà L.

Trong quá trình tố tụng, bà L cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn không thể tiếp tục chung sống, mỗi người đều đã có cuộc sống riêng nên bà L chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T. Tuy nhiên, hôn nhân giữa bà L và ông T không có

đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nên theo quy định tại Điều 14, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quan hệ giữa ông T và bà L không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

[3.2] Về việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét để giải quyết.

[4] Về án phí: Ông Hoàng Phúc T phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên toà là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 9; Điều 14; Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Hoàng Phúc T. Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Hoàng Phúc T và bà Triệu Thị L là quan hệ vợ chồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 144; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Ông Hoàng Phúc T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002532 ngày 04/6/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đỗ Thị Mận